

ĐẶC TRƯNG GIỚI TRONG THƠ NỮ VIỆT NAM TỪ SAU ĐỔI MỚI

Nguyễn Thị Tâm

Viện Thông tin Khoa học xã hội

Tóm tắt: Kể từ sau Đổi mới đến nay, để giao lưu, hội nhập quốc tế sâu rộng các nhà thơ nữ đã không ngừng học hỏi, tiếp thu, du nhập những tư tưởng và phương thức sáng tác mới từ các nền văn học tân tiến về Việt Nam. Ngoài những nét chung vốn có, thơ nữ Việt Nam từ sau Đổi mới đến nay còn khẳng định cái tôi cá nhân với mọi mối ràng buộc của đời sống xã hội. Đặc trưng giới trong thơ vì thế mà cũng được xác lập. Bài viết tập trung tìm hiểu sự biểu hiện của giới trong thơ nữ Việt Nam từ sau năm 1986 trên hai phương diện quan niệm sáng tác và ngôn ngữ nghệ thuật để bước đầu thâm nhập vào thế giới thơ nữ Việt Nam một cách hệ thống, khoa học.

Từ khóa: Thơ nữ, quan niệm sáng tác, ngôn ngữ nghệ thuật, giới.

Nhận bài ngày 22.10.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.11.2021

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Tâm: Email: tamspvan@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Không khí dân chủ hóa của đời sống xã hội kể từ sau Đổi mới đã có những tác động to lớn đến nhận thức, tình cảm của con người. Giới văn nghệ sĩ nói chung và các nhà thơ nữ nói riêng có cơ hội thể hiện mình một cách chân thực và sâu sắc hơn so với giai đoạn văn học trước đó. Bằng cái nhìn mang đậm cảm quan về giới thông qua mỗi tác phẩm, các nhà thơ nữ giải bày những trăn trở, suy tư của mình về hiện thực cuộc sống và khát vọng giải phóng những ẩn ức tinh thần thâm kín. Họ lấy chính đời sống chính mình để đối thoại với hiện thực và tâm hồn mình một cách sinh động, chân thành. Họ bày tỏ ước mơ và khát vọng quyền lợi giới của mình thông qua ý thức nữ quyền với đời sống một cách bình đẳng, nhân văn. Từ đó, xác lập đặc trưng giới trong thơ thông qua lối viết nữ, nhãn quan nữ, diễn ngôn giới nữ.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc trưng giới trong thơ nữ Việt Nam từ sau Đổi mới qua quan niệm sáng tác

Kể từ sau năm 1986, bên cạnh những quan niệm sáng tác cũ nói về thân phận người phụ nữ, về tình yêu và lòng chung thủy sắt son, tình mẹ con, tình bạn, thơ nữ từ sau 1986 đi sâu

khai thác những đề tài mới đầy biến động của đời sống, những va đập của đời thường, niềm khát khao mãnh liệt hướng tới những cái mới, những chân trời lạ lẫm. Các nhà thơ nữ quan niệm làm thơ là để tặng mình, làm thơ là để diễn tả cảm xúc của mình trong mối quan hệ với cuộc sống thường nhật xung quanh. Qua mỗi trang thơ, họ trải lòng mình, “*hong nắng nổi buồn và chung cất niềm vui*”¹. Họ - như nhà thơ Tuyết Nga khẳng định: “*chẳng biết tem trầu, không thạo thêu đan*”, họ mang những đặc điểm của lối sống hiện đại, ngay cả cách ăn mặc cũng đối khác không phải chiếc khăn mỏ quạ, chiếc quần nái đen mà là “mũ cối đội đầu, túi vải khoác vai”.

Nhìn vào sự vận động của thơ nữ Việt Nam từ sau năm 1986 đến nay có thể thấy quan niệm sáng tác của người phụ nữ đã thay đổi. Các nhà thơ không còn im lặng, sống thu mình như trước mà đã cất tiếng nói cá nhân, đứng lên hành động theo sự mách bảo của bản thân. Nếu người phụ nữ truyền thống quan niệm “*cái nét đánh chết cái đẹp*” thì người phụ nữ hiện đại cho rằng phụ nữ nên có và cần có vẻ đẹp ở cả hai: tâm hồn lẫn hình thể. Các nhà thơ nữ thẳng thắn bày tỏ thái độ chối bỏ quan niệm truyền thống đầy bất cập về đức hạnh. Đức hạnh của người phụ nữ thời hiện đại với các nhà thơ nữ giờ đây là sự dám yêu và dám sống hết mình. Họ khước từ những chân lý truyền thống mang tính áp đặt lên phái nữ bấy lâu. Đối với họ, không có điều gì phải cấm kỵ, không có điều gì phải né tránh. Việc bày tỏ cách nhìn thế giới, cuộc sống thông qua kinh nghiệm của cá nhân được đặt ra như một đòi hỏi tất yếu. Các nhà thơ nữ đưa vào thơ mình những cảm giác lạ, hiện đại với những yếu tố nổi loạn. Dĩ nhiên, quan niệm sáng tác của các cây bút nữ không giống nhau. Mỗi người có một cách thể hiện riêng, tạo nên sự phong phú, đa dạng cho thi đàn. Người thâm kín, người sôi sục, người hồn nhiên, ngơ ngác, người già dặn, thâm sâu. Có những tìm tòi thành công, có những thể nghiệm còn đang trải qua thử thách. Đó là các nhà thơ nữ: Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Dư Thị Hoàn, Phạm Thị Ngọc Liên, Đinh Thị Như Thúy, Trương Quế Chi, Bình Nguyên Trang, Dạ Thảo Phương, Đường Hải Yến, Nguyễn Thúy Hằng, Phạm Vân Anh, Ngô Thị Hạnh, Ngô Thanh Vân, Lê Mỹ Ý, Trần Lê Sơn Ý, Trương Gia Hòa, Tú Trinh, Lữ Thị Mai, Trương Hồng Tú.

Những nhà thơ nữ thế hệ 7x, 8x được sinh ra và lớn lên trong hòa bình với sự đổi thay, phát triển như vũ bão về mọi mặt kinh tế, xã hội, quan điểm sáng tác vì thế mà cũng có những thay đổi nhất định. Sự giao lưu, hội nhập quốc tế sâu rộng khiến các nhà thơ nữ du nhập nhiều ảnh hưởng từ những nền văn học Phương Tây dân chủ và khẳng định bản thể một cách tuyệt đối. Nhiều nhà thơ nữ trẻ ngày một xác lập được bản lĩnh và lòng tự tin. Họ khẳng định quan điểm sáng tác của mình bằng cách đối thoại thẳng thắn với độc giả và bạn văn khác giới trên các diễn đàn trong và ngoài nước. Họ nỗ lực để đàn anh, đàn chị công nhận cái mới của mình hòa vào dòng chảy văn học đang ồ ạt những thử nghiệm, cách tân thơ. Họ luôn sẵn sàng làm người thử nghiệm dẫn đầu trong những quan điểm và xu thế mới, gai góc. Quan điểm sáng tác của họ nhiều khi bị coi là “thời thượng”, là “lai căng”, là đi chệch dòng chảy

¹ Phùng Gia Thế, Trần Thiện Khanh (2016), *Văn học và giới nữ*, Nxb Thế giới, tr.399.

truyền thống nhưng vì khát vọng vươn tới những chân trời mới, những sáng tạo mới, họ sẵn sàng “chịu trận” để khẳng định mình.

Thơ nữ từ năm 1986 đến nay bên cạnh những nét chung vốn có như lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ngợi ca dân tộc còn khẳng định vai trò của mình trong đời sống xã hội, thi ca. Đó là sự khẳng định cái tôi trong mọi mối ràng buộc, trách nhiệm với toàn bộ biến động của tâm hồn, tình yêu, dục vọng, cả những khổ đau, hạnh phúc nhỏ nhoi, riêng tư... Ngày xưa, trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, hiện tượng Hồ Xuân Hương xuất hiện là một dấu mốc phát triển quan trọng trong lịch sử văn học của nữ giới, thì ngày nay, các tác giả thế hệ mới hoàn toàn tự ý thức về bản ngã, tự khẳng định bản ngã như Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Đinh Thị Như Thúy, Hoàng Ly Ly, Phạm Thị Ngọc Liên, Bình Nguyên Trang, Tuyết Nga, Lê Viết Hoàng Mai, Nhật Lệ, Khương Hà, Thanh Xuân, Nguyệt Phạm... đã làm cho diện mạo thơ nữ ngày một khởi sắc.

“Khi bị gọi nhầm tên

Tôi không nói gì

Khi ai đó nói rằng, tôi giống người họ đã gặp

- Tôi bỏ đi

...

Tôi là tôi

Một bản thể đầy mâu thuẫn

...

Bất cứ khi nào trên sân khấu cuộc đời

Tôi vẫn là diễn viên tôi

Bởi tôi không hóa thân để nhập vai người khác”

(Tôi - Vi Thùy Linh)

Thơ nữ trẻ khẳng định quan điểm sáng tác của mình bằng cái “tôi” trẻ trung, tự chịu trách nhiệm trước mọi biến thiên của đời sống. *“Trong thơ, họ nói lên tiếng nói cá nhân tuyệt đích và biểu lộ tư tưởng của mình về đời sống. Những quan niệm, luận giải, đúc kết về nhân sinh, thể sự qua lăng kính của chính những va đập với cuộc đời. Đó là nhu cầu của bản thể với những dằn vặt, suy tư tự vấn, muốn lột xác câu chữ, thoát khỏi những đơn điệu thường ngày”*¹. Họ có nhu cầu nói về chính những va chạm của mình với mọi cấp độ đời sống, khẳng định cái tôi hiện hữu trong đất trời với những nỗi buồn đau, yêu đương, hòa vào mạch chảy đương đại những rung động cá nhân, sự hồi thức của cá nhân trước đời sống muôn vẻ. Họ khẳng định vị thế của mình trong xã hội. Họ thả sức vẫy vùng trong một khu vườn bao la

¹ Lưu Khánh Thơ (2017), *Ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Báo cáo đề tài Cấp Bộ Viện Văn học, tr.111.

những ý tưởng bung phá, không chấp nhận sự gò bó, áp đặt:

“Cha mẹ định quàng dây cương vào tôi

Hãy để con tự đi

Độc mã

Quyết làm những gì mình muốn...”

(Tôi - Vi Thùy Linh).

Họ cống hiến tuổi trẻ, sức lực của mình với chiêm ngôn: “Ai cũng chỉ sống một lần, hãy sống cho ra sống” vì thế họ luôn cháy hết mình trong đam mê.

Thơ nữ Việt Nam từ sau năm 1986 đến nay đang có những thể nghiệm mới để khẳng định vị thế, quan điểm sáng tác, cái tôi cá nhân của mình. Tinh thần mới mẻ trong thơ đã vượt ra khỏi những xúc cảm thường tình, khẳng định những giá trị của phái giới trong đời sống. Các nhà thơ nữ hiện nay đang cố gắng để khác các thế hệ đi trước. Họ tạo ra một không khí dân chủ trên thi đàn với nhiều giọng điệu, nhiều khuynh hướng. Họ tự do trong cảm xúc, trong cách thể hiện. Họ chú trọng vào việc khai thác tâm trạng cá nhân và luôn cố gắng tìm cách phô diễn những xúc cảm của mình bằng những hình thức nghệ thuật có nhiều tìm tòi, đổi mới. Họ dám nói lên tiếng nói của riêng mình, không còn bị ràng buộc và quá e dè như lớp thi sĩ đàn chị. Những nhà thơ nữ hôm nay đã không còn quanh quẩn với những quan niệm truyền thống. Một số người đã dám đưa vào thơ mình những cảm giác khác lạ gắn với đời sống hiện đại, kể cả những bức tranh mang màu sắc lập thể.

Thơ nữ Việt Nam từ sau năm 1986 đi sâu khai thác, khám phá những chuyển động căng phồng sự sống, khám phá tình yêu, nhục cảm, cái tôi cá nhân bí ẩn và đầy bất trắc. Một thể hệ mới đã xuất hiện như Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly, Phan Huyền Thư, Bình Nguyên Trang, Dạ Thảo Phương, Đường Hải Yến, Nguyễn Thúy Hằng, Trương Quế Chi, Phạm Vân Anh, Ngô Thị Hạnh, Ngô Thanh Vân, Lê Mỹ Ý, Trần Lê Sơn Ý, Trương Gia Hòa, Tú Trinh, Lữ Thị Mai, Trương Hồng Tú... Họ là những cây bút trẻ thuộc thế hệ 8x, 9x chịu ảnh hưởng của nhiều luồng văn học trên thế giới, có những nét phá cách và có nhiều thể nghiệm mới mẻ trên từng trang thơ. Những tác giả này dù ít hay nhiều họ đã tự tạo cho mình một lối đi riêng *“tinh tế hay bộc trực; nhẹ nhàng hay mạnh mẽ; thách thức hay khiêm nhường; dữ dội hay dịu êm”*¹. Tất cả đã tạo cho thơ nữ một dòng chảy liên tục không ngắt quãng.

Trong thời đại trí tuệ nhân tạo và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, những nhà thơ nữ trẻ đã tận dụng sự ưu việt của công nghệ để tạo ra cơ hội kết nối toàn cầu. Thế hệ thơ nữ trẻ đang có những thay đổi rõ rệt trong quan niệm sáng tác. Họ dám sống, dám đương đầu với thử thách, dám là chính mình trong cuộc kiếm tìm những giá trị nghệ thuật. Thậm chí, đôi khi *“họ khoác lên mình tấm áo thi ca như một thứ trang sức để giải trí, để giải thoát*

¹ Bùi Đức Thọ (2018), “Đôi điều về thơ trẻ hôm nay”, Báo điện tử Quân đội Nhân dân cuối tuần, ngày 21/03/2018, <https://ct.qdnd.vn/van-hoc-nghe-thuat/doi-dieu-ve-tho-tre-hom-nay-522224>

*minh khỏi sự bộn bề của cuộc sống, của nỗi cô đơn và sự bận rộn của đời sống đương đại*¹. Nhiều cây bút nữ trẻ đã có tác phẩm bước đầu ghi được dấu ấn trong lòng độc giả. Thơ của họ là tiếng nói của thế hệ biết tận hưởng những vang âm của đời sống. Họ không muốn chỉ là người biểu hiện cuộc sống trên trang viết mà còn muốn tạo dựng, phơi mở một thế giới khác trong chính thế giới hiện thực này, thế giới của sự vươn tới mãnh liệt và đầy khao khát. Tâm hồn thi ca của họ đa cảm, tinh tế, luôn rung lên những nhịp cảm xúc nóng bỏng, chân thực và liêu lĩnh. Họ đang cố gắng tạo dựng cho mình một phong cách mới trong trào lưu thơ Việt Nam đương đại. Tác phẩm của họ mang hơi thở của thời đại hội nhập thế giới, nguồn thơ của họ mang nhiều tâm trạng của lớp trẻ trước ngưỡng cửa cuộc đời mới trong một thế giới mở cửa và nhiều liên kết.

Các nhà thơ nữ Việt Nam từ sau năm 1986 gửi gắm vào sáng tác của mình những cung bậc tình cảm mang dấu ấn cái tôi cá nhân một cách trực diện. Họ được đón nhận nhiều luồng văn hóa Đông - Tây nên tác phẩm mang vẻ đẹp hiện đại, cách nói hiện đại, suy nghĩ hiện đại. Nếu như thế hệ trước, làm thơ là để thể hiện lòng mình trước thời cuộc, đặt mình trong thời cuộc, thì hiện nay họ nghĩ về mình trước bộn bề của đời sống. Họ xác lập cái tôi bản thể ngay từ cách đặt nhan đề cho sáng tác của mình. Những tựa đề ví von sáo mòn với những từ ngữ mỹ lệ trước đây đã được thay thế bằng những tựa đề chứa đầy sức sống mạnh mẽ, tươi trẻ, *“khơi gợi những nhận diện về vẻ đẹp hình thể và hồn vía của người đàn bà*². Từ những tựa đề tập thơ tôn vinh bản ngã: *Khát, Linh, Tôi đang lớn*,... đến những tên bài thơ mang đậm dấu ấn cá nhân: *Tôi, Hai miền hoa Thùy Linh, Sinh năm 1980, Hãy phủ thơ khắp thế giới của em, Viết cho ngày sinh nhật 10.10.2003*,... Mỗi nhà thơ nữ đã từng bước xác lập và khẳng định rõ ràng quan điểm sáng tác của mình trong từng tác phẩm.

Nếu như nhà thơ tượng trưng P.Valéry cho thơ là sự nở hoa của trí tuệ, nhà thi học Trung Quốc thời Tây Tấn Lục Cơ cho thơ là sự rung động của Đạo, Tô Hữu cho *“Thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí”*, *“Thơ là tiếng nói tri âm”*,... *“Thơ là chuyện đồng điệu”*³ thì những người phụ nữ viết thơ chỉ đơn giản là tìm nơi giải bày những vất vả, lo toan của cuộc sống hàng ngày. Họ xác định viết trước tiên cho mình, sau đó cho phái mình để bộc bạch tất cả những tâm sự về thân phận đàn bà trong tình yêu, cuộc sống vì vậy, với họ, *“sáng tác thơ là một nhu cầu tự thân, một khát khao, một ám ảnh, một nghiệp chương”*⁴. Có thể thấy, các nhà thơ nữ đã dệt nên những vần thơ đậm thấm bằng chính tâm hồn và trái tim phụ nữ cao đẹp. Vì thế, trong ý thức, quan niệm sáng tác và trong tìm tòi nghệ thuật của các

¹ Theo Văn nghệ Quân đội (2012), *“Thơ nữ trẻ đương đại - Quan niệm, thể nghiệm và xu hướng”*, Báo điện tử Quảng Bình, ngày 29/03/2012, <https://www.baoquangbinh.vn/van-hoa-van-nghe/201203/Tho-nu-tre-duong-dai-Quan-niem-the-nghiem-va-xu-huong-2098566/>

² Lưu Khánh Thơ (2017), *Ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam qua 30 năm Đổi Mới*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ Viện Văn học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr.114

³ Tô Hữu (1973) *Xây dựng một nền văn nghệ lớn, xứng đáng với nhân dân ta, với thời đại ta*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.423.

⁴ Dương Thị Thúy Hằng (2016), *Ý thức phái tính trong thơ nữ Việt Nam sau 1975*, Nxb Thế giới, tr.400

nhà thơ nữ, họ muốn khẳng định mình, khẳng định tiếng nói của mình, khẳng định trang viết của mình một cách mạnh mẽ, không bị lệ thuộc bởi nền văn hóa phụ hệ.

2.2. Đặc trưng giới trong thơ nữ Việt Nam từ sau Đổi mới qua ngôn ngữ nghệ thuật

Ngôn ngữ trong văn học là công cụ, chất liệu cơ bản của văn học. Gorki đã khẳng định: *“Ngôn từ văn học là ngôn từ của tác phẩm văn học, của thế giới nghệ thuật, là kết quả sáng tạo của nhà văn. Đó là ngôn ngữ giàu tính hình tượng và giàu sức biểu hiện nhất, được tổ chức một cách đặc biệt để phản ánh đời sống, thể hiện tư tưởng, tình cảm và tác động thẩm mỹ đến người đọc”*¹. Ngôn từ muốn trở thành ngôn từ của nghệ thuật phải cần đến sự tác động của tác giả qua cá tính sáng tạo của người viết.

Ngôn ngữ thơ là chất liệu đầu tiên, cơ bản để nghiên cứu và sáng tác thơ. Nó là phương tiện đồng thời là đối tượng của chính nó, của tư duy thơ để diễn đạt tư tưởng. Bakhtin cho rằng, người nghệ sĩ không chỉ sử dụng ngôn ngữ là một phương tiện diễn đạt thông thường mà còn *“biến nó thành phương tiện biểu hiện nghệ thuật”*². Vì vậy, *“làm thơ là một ứng xử ngôn ngữ”*³. Ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ nữ giai đoạn từ sau năm 1986 đến nay đã trở thành tiếng nói của số đông và ghi dấu ấn trong lòng người đọc về những điều muôn thuở của con người. Ngôn ngữ trong thơ nữ càng về sau càng có xu hướng giải thiêng những điều trang nghiêm, trang trọng để đưa nó về với suy nghĩ đời thường. Đặc biệt, các nhà thơ trẻ thế hệ 7X, 8X như Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly... còn muốn làm cuộc cách tân trong ngôn ngữ thơ tạo cho thơ có giọng điệu riêng. Để nhận thấy ngôn ngữ trong thơ nữ từ sau năm 1986 đến nay có sự phân hoá, phân cực khá cụ thể, tùy theo hướng cảm xúc và nhu cầu đối thoại với tha nhân và độc thoại, tự thoại với chính mình của chủ thể sáng tạo. Vậy là, trong thơ có sự đồng hành cùng lúc các dạng ngôn ngữ, giọng điệu khác nhau, thể hiện tính dân chủ và bình đẳng của đời sống xã hội: Giọng trữ tình đời thường bên cạnh giọng trữ tình cao siêu, làm dáng; giọng trang nhã bên cạnh giọng châm biếm, hài hước; giọng tượng trưng, siêu thực bên cạnh giọng hồn nhiên, trong sáng; giọng triết lý, chiêm nghiệm bên cạnh giọng bồ bã, bình dân; ngôn ngữ đậm chất văn hoá, tâm linh bên cạnh ngôn ngữ thân thể, sex trần trụi...

Nếu nói theo C.Mác, ngôn ngữ là vỏ vật chất của tư duy, là hiện thực trực tiếp của tư tưởng thì ngôn ngữ trong thơ nữ Việt Nam ba mươi năm có lẽ vừa qua là ngôn ngữ đa thanh, đa giọng điệu, phản ánh nhu cầu đa dạng của người phụ nữ trong từng quan hệ khác nhau. Ngôn ngữ trò chơi, cất dấn, tâm linh, trực giác... được tăng cường trong thơ, đặc biệt là ở các nhà thơ nữ trẻ muốn thể nghiệm một thức nhận mới về ngôn từ theo tâm thức hậu hiện đại.

Các nhà thơ nữ đã từng bước chối bỏ “sự bất chước hiện thực nhân danh những quy luật tự trị của nghệ thuật” (M. Kundera) bằng xu hướng “nữ tính hóa” ngôn ngữ. Thế giới được miêu tả qua ngôn ngữ trong thơ nữ Việt Nam từ sau năm 1986 thấm đẫm tư duy nữ giới. Nếu

¹ Phương Lưu chủ biên (2011), *Lí luận văn học*, in lần thứ tư, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.185.

² Trần Đình Sử (2004), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.368.

³ Trần Đình Sử (1996), “Tính mơ hồ, đa nghĩa của văn học”, *Tạp chí Văn học*, số 01, tr.43.

áp dụng phương pháp phân tích của chủ nghĩa giải cấu trúc vào thơ nữ giai đoạn từ sau 1986 đến nay, người đọc dễ dàng nhận biết được tác giả là nữ giới qua những dấu hiệu nhận biết từ văn bản thơ. Đó là việc sử dụng đại từ nhân xưng chủ yếu trong thơ là “em”, “người đàn bà”, “cô gái”, “người phụ nữ”, “cô ta”,... Ngoài ra, có thể xác định chủ thể trữ tình là người đàn bà thông qua những từ ngữ mà nhà thơ thường nhắc đến là “phòng ngủ”, “giường”, “chiếu”, “đệm”, “bình hoa”, “nước hoa”... và những hoạt động của người phụ nữ như “thoa kem”, “cuốn tóc”, “soi gương”... trong những căn phòng vừa chật hẹp vừa gợi những khát khao của đời sống bản năng giới.

Bên cạnh đó, ngôn ngữ, hình ảnh thơ còn được “nữ hóa” bằng cách so tượng trong thế giới xung quanh với thân thể người phụ nữ, với những gì gần gũi thân thuộc với người phụ nữ. Người phụ nữ trở thành mẫu số để quy chiếu, so sánh:

“Biển hững hờ như trái tim em

Môi ngon sẵn lời từ chối...

Biển tham vọng như trái tim em

Soi hoài không thấy đáy”

(*Trăm ngổ biển* - Phạm Thị Ngọc Liên).

Phan Huyền Thư phát hiện ra những phẩm chất thuộc về nữ tính của mảnh đất cố đô Huế. Nhà thơ hình dung thuộc tính nữ bao phủ Huế từ văn hóa qua điệu Nam Ai: “*Khúc Nam Ai nhưng cung phi góa bụa/ chèo thuyền vớt xác mình trên sông*”; qua nhịp sống của con người: “*Huế như nàng tiên câm/ khóc thầm không nói*” và qua vị trí địa lý: “*Muốn thì thầm vuốt ve Huế thật khẽ/ lại sợ chạm vào nơi nhạy cảm trên cơ thể Việt Nam*” (Huế). Tương tự, Vi Thùy Linh cũng hình dung chiều dài đất nước như: “*Tiếng đàn một dây/ ngã dọc Việt Nam/ đất nước mang hình người đàn bà hơi khuyu chân, giữa mặt*” (Mùa đông cuối cùng). Từ những từ ngữ quen thuộc, giản dị được sắp xếp qua bàn tay người phụ nữ đã trở thành những hình ảnh độc đáo, mang đậm dấu vết sáng tạo của bản thể nữ:

“Buổi chiều như con bé vàng

Cặm cùi em đan áo cỏ

Áo suốt đời dang dở

Mà có ủa tay người”

(*Mùa linh hồn* - Vi Thùy Linh).

Những hình ảnh thơ mang tính nữ vọng về từ tiềm thức và trở thành những ám gợi nghệ thuật cũng là thành tựu về ngôn ngữ đáng ghi nhận ở thơ nữ Việt Nam từ 1986 đến nay. Có thể kể đến như khi miêu tả vẻ đẹp thân thể người phụ nữ thì “*Vòng hông loang ánh bạc/ Như thủy thần rung chuông*” (Phạm Thị Ngọc Liên); hay những hình ảnh tưởng như phi lý, lập dị: “*Ngực vỡ ra tổ ong vô vẽ/ bay vút đi trăm ngả/ đốt sưng trời đêm*” (Phan Huyền Thư).

Bên cạnh đó, thơ nữ cũng xuất hiện những hình ảnh gợi sự liên hệ mật thiết hoặc gần gũi với đời sống của người phụ nữ như: “*Khi đưa con gái thoa son lần đầu/ Thèm cơm mẹ nấu/*

Chỉ sợ bữa cơm hàng ngày lạnh lẽo” (Phạm Thị Ngọc Liên); *“Mẹ ngồi lại với cái mạng nhện mới được con nhện chữa chẳng lên chờ ngày ở cũ”* (Vi Thùy Linh); *“Giăng mắc niềm tin con nhện cái/ ôm bọc trứng bão hòa”* (Phan Huyền Thư); *“Chiếc gương đen kịt”* (Lê Ngân Hằng); *“Chiếc thìa nhôm đầy vết nứt, Mặt trời nằm óp la trên trái đất, Chiếc Hamburger, Lòng trắng lây nhây, lòng đỏ cháy rực ly thủy tinh cầu bần/ Mặt trời vỡ khi ông ta nuốt lòng đỏ vào bụng”* (Hoàng Ly Ly)... là những thực phẩm, vật dụng trong nhà bếp cũng được chuyển hóa thành thi liệu. Đó là khác biệt hẳn là các nhà thơ nam không thể có được.

Các nhà thơ nữ giai đoạn từ sau 1986 đến nay đã chủ động đưa vào sáng tác của mình những trường từ vựng mang tính “phồn thực”. Lớp ngôn ngữ này nhấn mạnh đến yếu tố nữ tính, gọi đến sự liên hệ những gì gần gũi và liên quan đến thân thể, đời sống của người phụ nữ như một sự xác lập chủ quyền của người phụ nữ trong thơ.

Đầu tiên, đó là sự chuyển hóa ngôn ngữ thân thể người phụ nữ thành đối tượng phản ánh như một sự định danh người phụ nữ trong thơ với những từ ngữ đi liền với những liên hệ, ẩn dụ: *vú, sữa, ngực, mông, đùi, eo, sinh nở, trở dạ, cơn đau, nước ối, ổ trứng*. Bên cạnh đó, thơ nữ đương đại cũng sử dụng hàng loạt động từ mạnh để chỉ trạng thái sinh sôi, gợi sự chuyển động trong hành động tính giao và hàng loạt động từ bộc lộ khát vọng bùng phá, giải tỏa, thậm chí “nổi loạn” của bản thể nữ như: *thụ tinh, thụ tạo, thụ mầm, cỡi, thoát y, truy hoan, khóa chặt*,... Việc sử dụng những loại từ này với một tần số cao như vậy thể hiện một nội lực bất tận tiềm ẩn trong người phụ nữ đang được các nhà thơ nữ quan tâm khám phá và thể hiện. Nói theo tinh thần của các nhà nữ quyền luận, việc chọn lựa và sử dụng ngôn ngữ mang tính “phồn thực” nhằm xác lập chủ quyền nữ và “nữ hóa” hình ảnh ngôn ngữ thể hiện ý thức của người phụ nữ trong việc chủ động thoát ra khỏi hệ ngôn ngữ vốn chịu sự chi phối của nam giới để tạo dựng hệ ngôn ngữ của riêng phái mình.

Ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ nữ từ sau 1986 đến nay còn mang những đặc điểm riêng của giới. Đó là thứ ngôn ngữ dịu dàng, duyên dáng, mượt mà như những lời giải bày, tâm tình, thủ thỉ. Là thứ ngôn ngữ hướng nội giàu tính nữ. Nó thể hiện cách nhìn, cách cảm của phái nữ khi đứng trước cuộc đời và khi đối diện với chính mình. Ngay nhan đề của các tập thơ, các bài thơ, người ta cũng thấy xu hướng viết cho mình, cho những người phụ nữ như mình. Họ không ngần ngại bộc bạch nỗi niềm sâu kín của mình:

*“Tôi thấy tôi tươi vui thấy tôi già cỗi
Thấy tôi chân thật, thấy tôi lọc lừa...
Tôi nhìn tôi không thể nào che giấu
Và tôi nhìn tôi”*

(*Độc thoại trắng* – Phạm Thị Ngọc Liên).

Đối thoại với chính mình, soi lại lòng mình, các nhà thơ nữ muốn hét to lên những dồn nén và ảm ức, muốn được san sẻ khóa lấp những cơ cực, những nỗi buồn, những thăng trầm trong cuộc sống, tình yêu. Họ tự nhận mình là những chú ngựa non đang dậy thì:

“Thức dậy đi hỡi chú ngựa non của lồng ngực trẻ

*Thức dậy mà tung bờm cất vó
Phóng như điên
Chỉ con điên mới cứu khỏi nỗi sợ hãi
Hèn nhát
Trước khi băng qua bờ...
Thức dậy, dẫm chân và lắc đầu kiêu hãnh
Trước những yên cương rực rỡ sắc màu
Thức dậy để uống sương mai
Đón mặt trời mỗi sớm
Thức dậy đi ơi chú ngựa
Đã ngủ sâu trong đáy tim nhiều năm tháng”*

(Bài ca ngựa non – Trần Lê Sơn Ý)

Bày tỏ, thổ lộ tình yêu, thay vì e dè, ngần ngại bởi những quan niệm kìm kẹp tình yêu cổ hủ, xưa cũ, họ thể hiện một thái độ quyết liệt và khao khát được yêu thương đến cháy lòng với mạch ngôn từ thẳng thắn:

*“Anh yêu
Giữa khúc quanh đời ta mới thấy rõ nhau
em biết sẽ về đâu với vô vàn ao ước
với vô vàn thềm muốn
lăn trong vòng tay nhau
em biết sẽ về đâu
nhớ anh bốn chôn
thiết tha
cay đắng
Em Muốn Giăng Tay Giữa Trời Mà Hết
yêu anh”*

(Em muốn giăng tay giữa trời mà hết – Phan Thị Ngọc Liên)

Thơ nữ Việt Nam từ sau 1986 sử dụng rất nhiều các câu cảm thán, câu cầu khiến trong các trang thơ. Tàn số câu cảm thán, câu cầu khiến dày đặc là biểu hiện tha thiết, mãnh liệt của những ước mong, chờ đợi, những khát vọng tình yêu: “*Xin đừng nhắc quay đầu về dĩ vãng*” (Hoàng Thị Minh Thanh); “*Xin mãi mãi làm dòng suối tắm mát cho anh*” (Lê Thị Kim); “*Xin anh hãy đừng chân ngoài cửa ngõ/ Nhà em đây rồi đừng vào nữa van anh*” (Nguyễn Thị Hồng Ngát). Một ví dụ điển hình khác cho việc sử dụng ngôn ngữ đậm chất nữ tính đó là bài *Dệt tấm gai* của Vi Thùy Linh. Những từ ngữ trái ngược nhau về ngữ nghĩa

được đặt cạnh nhau như một định mệnh: “*Em nhẫn nại chờ chờ từng niềm vui/ Nhưng lại gặp rất nhiều nỗi khổ/ Truân chuyên dề lên thanh thân*”; “*Gai tâm đâm em đau đớn/ Em chờ anh mãi*”. Dòng liên tưởng chính, được lặp đi lặp lại “*Dệt tâm gai*”. Hi vọng “*Em lặng lẽ dệt hạnh phúc từ những nỗi buồn – những sợi tâm gai – không ai nhìn thấy*”; khắc khoải “*Em chờ anh mãi...*” đan cài thất vọng: “*Dệt tâm gai đến bao giờ*” và xua đuổi “*Về đi anh*”; rồi lại nòng nân hơn bao giờ hết: “*Cài then những ngón tay trắng xước của em bằng Anh*”. Đường như, ý thức được mình là phái yếu, tâm hồn mình vốn mỏng manh, người phụ nữ trong thơ đã không ngần ngại cất tiếng khản nài và chính tiếng khản nài ấy đã làm tăng thêm chất nữ tính dịu dàng của người phụ nữ.

3. KẾT LUẬN

Văn học thời kỳ đổi mới có cơ hội mở rộng các bình diện phản ánh với các xu hướng dân chủ hóa trong văn học, trong đó có sự trỗi dậy mạnh mẽ của âm hưởng nữ quyền. Việc xác lập vị trí của phái mình trên lĩnh vực thơ ca là nỗ lực của các cây bút nữ. Với bản lĩnh, tài năng và những trải nghiệm sống, các nhà thơ nữ không ngại bày tỏ chiều sâu bản thể của mình. Một lối viết nữ đã được hình thành như một sự chọn lựa, một ứng xử, một nghệ thuật sáng tạo văn bản thể hiện rõ đặc trưng giới, nhằm khẳng định con người cá nhân, sự tự do tư tưởng, vai trò làm chủ nhằm thoát khỏi những ràng buộc lỗi thời. Đặc trưng giới trong thơ nữ được thể hiện rõ nét bằng việc các nhà thơ nữ ý thức về nhân vị cá nhân, bản thể, bản ngã của mình trong khi sáng tác. Họ từ giã những không gian rộng lớn, mang dáng vóc thời đại để trở về với ngôi nhà, với căn bếp, với khu vườn nhỏ bé nhưng đầy hạnh phúc. Ở đó các nhà thơ nữ sum vầy với gia đình, vui với thiên chức làm mẹ và những điều giản dị nhưng đầy ấm áp, yêu thương. Quan niệm nghệ thuật là yếu tố đầu tiên thể hiện rõ nét đặc trưng giới trong thơ nữ Việt Nam từ sau năm 1986 trở lại đây. Cùng với quan niệm nghệ thuật, ngôn ngữ đưa người đọc tiếp cận gần nhất, chân thực nhất với khát vọng về giới, về phái, về tính nữ cụ thể hơn. Các cây bút nữ đã thực sự xác lập tiếng nói của mình bằng nhiều cách biểu đạt trong diễn ngôn. Tiếng nói thơ ca của họ luôn tràn đầy một hơi ấm nữ tính, mang đặc trưng giới và giá trị nhân văn sâu sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thị Thúy Hằng (2016), *Ý thức phái tính trong thơ nữ Việt Nam sau 1975*, Nxb. Thế giới, Hà Nội
2. Nguyễn Thị Hương (2016), *Ý thức nữ quyền trong thơ nữ Việt Nam giai đoạn từ 1986 đến nay (Qua một số trường hợp tiêu biểu)*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Học Viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần Thị Kim (2015), *Thơ nữ Việt Nam hiện đại (Từ đầu thế kỷ XX đến nay)*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Học Viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Phương Lưu chủ biên (2011), *Lí luận văn học*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Trần Đình Sử (2004), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Phùng Gia Thế, Trần Thiện Khanh (2016), *Văn học và giới nữ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

7. Lưu Khánh Thơ (2017), *Ý thức nữ quyền trong văn học Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Báo cáo đề tài Cấp Bộ Viện Văn học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

GENDER CHARACTERISTICS IN VIETNAMESE WOMEN'S POETRY AFTER THE DOI MOI (Vietnam's Renovation Policy)

Abstract: *Since the reform (also known as the Doi Moi), female poets have ceaselessly learned, absorbed and imported new ideas and methods of composition from modern democratic literatures into Vietnam in order to exchange and integrate deeply into the world. Beside some inherent common characteristics, Vietnamese women's poetry has also affirmed the personal ego with social ties in life after the Doi Moi. The gender characteristics in poetry are then established. The article focuses on understanding the expression of gender characteristics in Vietnamese women's poetry since 1986 on two aspects of compositional conception and artistic language in order to systematically and scientifically start getting into the world of Vietnamese women's poetry.*

Key words: *Women's poetry, compositional conception, artistic language, gender.*